



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN



**BẢN TIN PHÁP LUẬT
THÁNG 11/2025**

MỤC LỤC

A. VĂN BẢN MỚI	1
1. Nghị định 293/2025/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động	1
2. Thông tư 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.....	3
B. VĂN BẢN HƯỚNG DẪN.....	5
1. Công văn 2556/HYE-QLDN3 ngày 23 tháng 09 năm 2025 của Thuế tỉnh Hưng Yên về nghĩa vụ thuế đối với hoạt động chuyển nhượng cổ phần	5
2. Công văn 2612/HYE-QLDN2 của Thuế Tỉnh Hưng Yên về trả lời chính sách thuế....	6
3. Công văn 6031/DON-QLDN1 ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Thuế tỉnh Đồng Nai về việc kê khai thuế thu nhập cá nhân.....	7
C. ĐIỀU CẦN BIẾT THÊM	8
1. Công văn 4415/CTLAN-TTHT ngày 04 tháng 10 năm 2025 của Cục Thuế tỉnh Long An về chính sách thuế nhà thầu và hóa đơn trả hàng đối với hàng nhập khẩu.....	8
2. Công văn 3905/HYE-QLDN3 ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Thuế Tỉnh Hưng Yên về việc kê khai và nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng theo quý.....	8
3. Công văn 5129/CT-CS ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Cục Thuế về chính sách thuế	9

A. VĂN BẢN MỚI

1. Nghị định 293/2025/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động

Ngày ban hành: 10/11/2025

Ngày hiệu lực: 01/01/2026

Mức lương tối thiểu mới đối với người lao động từ 01/01/2026.

Theo nội dung được quy định tại Điều 3 Nghị định 293/2025/NĐ-CP thì từ 01/01/2026 tiền lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động sẽ tăng thêm 7,2%, tương ứng tăng từ 250.000 - 350.000 đồng, cụ thể như sau:



- Vùng I: Mức lương tối thiểu vùng tăng từ 4,96 triệu đồng/tháng lên 5,31 triệu đồng/tháng (theo giờ tối thiểu từ 23.800 đồng/giờ lên thành 25.500 đồng/giờ).
- Vùng II: Mức lương tối thiểu vùng tăng từ 4,41 triệu đồng/tháng lên 4,73 triệu đồng/tháng (theo giờ tối thiểu 21.200 đồng/giờ lên thành 22.700 đồng/giờ).
- Vùng III: Mức lương tối thiểu vùng tăng từ 3,86 triệu đồng/tháng lên 4,14 triệu đồng/tháng (theo giờ tối thiểu 18.600 đồng/giờ lên thành 20.000 đồng/giờ).
- Vùng IV: Mức lương tối thiểu vùng tăng từ 3,45 triệu đồng/tháng lên 3,7 triệu đồng/tháng (theo giờ tối thiểu 16.600 đồng/giờ lên thành 17.800 đồng/giờ).

So sánh mức lương tối thiểu vùng trước và sau ngày 01/01/2026

Theo đó, ngày 10/11/2025, Chính phủ ban hành Nghị định 293/2025/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, thay thế Nghị định 74/2024/NĐ-CP.

Vùng	Mức mới (từ 1/1/2026)	Mức cũ (hiện hành)	Mức tăng	Tỷ lệ tăng
Vùng một	5.310.000	4.960.000	350.000	7,1%
Vùng hai	4.730.000	4.410.000	320.000	7,3%
Vùng ba	4.140.000	3.860.000	280.000	7,3%
Vùng bốn	3.700.000	3.450.000	250.000	7,2%

Lưu ý: Theo quy định tại khoản 1,2 Điều 4 Nghị định 293/2025/NĐ-CP thì:

- Mức lương tối thiểu tháng là mức lương thấp nhất làm cơ sở để thỏa thuận và trả lương đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo tháng, bảo đảm mức lương theo công việc hoặc chức danh của người lao động làm việc đủ thời giờ làm việc bình thường trong tháng và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận không được thấp hơn mức lương tối thiểu tháng.

- Mức lương tối thiểu giờ là mức lương thấp nhất làm cơ sở để thỏa thuận và trả lương đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo giờ, bảo đảm mức lương theo công việc hoặc chức danh của người lao động làm việc trong một giờ và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận không được thấp hơn mức lương tối thiểu giờ.

2. Thông tư 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày ban hành: 27/10/2025

Ngày hiệu lực: 01/01/2026

Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp từ 01/01/2026

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC (thay thế Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Thông tư này quy định về chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, ghi sổ kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Thông tư áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế. Các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện chế độ kế toán theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Quản trị và kiểm soát nội bộ

Doanh nghiệp phải tự xây dựng quy chế quản trị nội bộ và tổ chức kiểm soát nội bộ để phân định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bộ phận và cá nhân liên quan đến các giao dịch kinh tế phát sinh, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

- Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND). Doanh nghiệp có thể chọn ngoại tệ làm đơn vị tiền tệ nếu chủ yếu thu, chi bằng ngoại tệ và đáp ứng các điều kiện quy định. Khi thay đổi đơn vị tiền tệ, doanh nghiệp phải thực hiện vào đầu niên độ kế toán mới và chuyển đổi số dư theo tỷ giá trung bình của ngân hàng thương mại.

- Chứng từ kế toán

Chứng từ kế toán phải tuân thủ quy định của Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn. Doanh nghiệp có thể thiết kế hoặc sửa đổi biểu mẫu chứng từ kế toán để phù hợp với hoạt động kinh doanh, nhưng phải đảm bảo tính trung thực, minh bạch và dễ kiểm tra.

- Hệ thống tài khoản kế toán

Doanh nghiệp áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo Phụ lục II của Thông tư. Có thể sửa đổi, bổ sung tên, số hiệu, kết cấu và nội dung tài khoản để phù hợp với hoạt động kinh doanh, nhưng không được làm thay đổi thông tin trên báo cáo tài chính.

- Sổ kế toán

Sổ kế toán phải được mở vào đầu kỳ kế toán năm và ghi chép kịp thời, rõ ràng, đầy đủ theo quy định. Doanh nghiệp có thể thiết kế hoặc sửa đổi biểu mẫu sổ kế toán để phù hợp với hoạt động kinh doanh, nhưng phải đảm bảo tính trung thực và minh bạch...



B. VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

1. Công văn 2556/HYE-QLDN3 ngày 23 tháng 09 năm 2025 của Thuế tỉnh Hưng Yên về nghĩa vụ thuế đối với hoạt động chuyển nhượng cổ phần

– Trường hợp chuyển nhượng cổ phần của cổ đông là tổ chức/doanh nghiệp nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng vốn thì tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn có trách nhiệm xác định, kê khai, khấu trừ và nộp thay tổ chức nước ngoài số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Trường hợp bên nhận chuyển nhượng vốn cũng là tổ chức nước ngoài không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp thì Công ty có trách nhiệm kê khai và nộp thay số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng vốn của tổ chức nước ngoài. Việc xác định kê khai, nộp thuế TNDN theo quy định tại khoản 1 Điều 11, Điều 14 Thông tư số 78/2014/TT-BTC. Hồ sơ khai thuế, địa điểm nộp hồ sơ khai thuế thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 11 và điểm 7.3 Phụ lục I Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.



– Trường hợp cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu trong công ty cổ phần là thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán (chuyển nhượng vốn) và chịu thuế thu nhập cá nhân quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC (được sửa đổi tại Điều 4 Thông tư số 25/2018/TT-BTC). Căn cứ tính thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 111/2013/TT-BTC (được sửa đổi tại Điều 16 Thông tư số 92/2015/TT-BTC). Công ty có trách nhiệm khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân đối với thu nhập từ

chuyển nhượng chứng khoán; Hồ sơ khai thuế; Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 11 và điểm 9.4, 9.5 Phụ lục I Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

2. Công văn 2612/HYE-QLDN2 của Thuế Tỉnh Hưng Yên về trả lời chính sách thuế.



Trường hợp tài sản cố định (máy móc, thiết bị) có nguồn gốc nhập khẩu khi doanh nghiệp chuyển đổi loại hình từ Doanh nghiệp chế xuất thành doanh nghiệp thường (không hưởng chế độ chính sách doanh nghiệp chế xuất), công ty phải thực hiện xử lý tài sản cố định theo quy

định tại Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính nêu trên.

Về kê khai, nộp thuế GTGT: Công ty phải kê khai, nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu với cơ quan hải quan theo quy định.

Trường hợp tài sản cố định nêu trên phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT sau chuyển đổi thì công ty được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào đã nộp ở khâu nhập khẩu.

Hiện nay pháp luật về thuế GTGT không quy định về hoàn thuế đối với thuế GTGT đầu vào đã nộp khi xử lý tài sản có nguồn gốc nhập khẩu khi doanh nghiệp chuyển đổi loại hình từ doanh nghiệp chế xuất thành doanh nghiệp không hưởng chế độ chính sách doanh nghiệp chế xuất.

3. Công văn 6031/DON-QLDN1 ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Thuế tỉnh Đồng Nai về việc kê khai thuế thuế thu nhập cá nhân

Trường hợp chuyên gia nước ngoài là cá nhân cư trú tại Việt Nam có thu nhập từ nước ngoài thì cá nhân trực tiếp khai thuế theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, cá nhân kê khai thuế theo mẫu 02/KK-TNCN - Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế).

Đối với nguồn thu nhập phát sinh tại Việt Nam, Công ty căn cứ vào thời gian làm việc tại Việt Nam của chuyên gia nước ngoài ghi trên Hợp đồng hoặc văn bản cử sang làm việc tại Việt Nam để tạm khấu trừ thuế theo Biểu lũy tiến từng phần (đối với cá nhân có thời gian làm việc tại Việt Nam từ 183 ngày trong năm tính thuế) hoặc theo Biểu thuế toàn phần (đối với cá nhân có thời gian làm việc tại Việt Nam dưới 183 ngày trong năm tính thuế) theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Thông tư 111/2013/TT-BTC, Công ty kê khai thuế theo mẫu 05/KK-TNCN - Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công).

Trường hợp cá nhân cư trú có thu nhập tiền lương, tiền công tại hai nơi trở lên bao gồm cả trường hợp vừa có thu nhập thuộc diện khai trực tiếp, vừa có thu nhập do tổ chức chi trả đã khấu trừ thì cá nhân này thuộc đối tượng phải trực tiếp khai quyết toán thuế với cơ quan thuế khi đến hạn quyết toán thuế TNCN theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 11 Nghị định 126/2020/NĐ-CP.



C. ĐIỀU CẦN BIẾT THÊM

1. Công văn 4415/CTLAN-TTHT ngày 04 tháng 10 năm 2025 của Cục Thuế tỉnh Long An về chính sách thuế nhà thầu và hóa đơn trả hàng đối với hàng nhập khẩu



- Trường hợp Công ty kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nhập khẩu nguyên liệu ở nước ngoài nhưng không đạt chất lượng và trả lại theo thỏa thuận, khi xuất trả lại hàng, Công ty đã làm thủ tục xuất khẩu với cơ quan Hải quan, lập hóa đơn GTGT đối với hàng xuất

trả lại theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

- Trường hợp Công ty mua nguyên liệu từ nước ngoài trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận giữa Công ty với tổ chức nước ngoài và điểm giao nhận hàng hóa nằm trong lãnh thổ Việt Nam thì tổ chức nước ngoài thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư số 103/2014/TT-BTC, cụ thể:

+ Thuế GTGT: thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 6, Điều 12 Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

+ Thuế TNDN: thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 7, Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

2. Công văn 3905/HYE-QLDN3 ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Thuế Tỉnh Hưng Yên về việc kê khai và nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng theo quý

Doanh nghiệp chế xuất không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với hoạt động sản xuất để xuất khẩu nên không phải kê khai thuế GTGT với cơ quan thuế cho hoạt động này.

Doanh nghiệp chế xuất phải hạch toán riêng giao dịch mua hàng từ nội địa để xuất khẩu (hoặc giao dịch nhập khẩu hàng để bán vào nội địa - gọi chung là quyền xuất nhập khẩu) và thực hiện đăng ký thuế với cơ quan thuế nội địa để kê khai nộp thuế GTGT riêng đối với hoạt động này (quyền xuất nhập khẩu).



Doanh nghiệp thực hiện kê khai thuế GTGT theo tháng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; trường hợp doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP thì được lựa chọn khai thuế GTGT theo quý.

3. Công văn 5129/CT-CS ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Cục Thuế về chính sách thuế

Trường hợp tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ (sau đây gọi chung là người nộp thuế) là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp có phát sinh giao dịch với các bên có quan hệ liên kết theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP thì chi phí lãi vay được trừ khi tính thuế TNDN thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật về thuế TNDN, đồng thời xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định 132/2020/NĐ-CP.

Quy định này được áp dụng chung cho tất cả doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết (không phân biệt doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hay doanh nghiệp trong nước).



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN là tổ chức kiểm toán, tư vấn tài chính chuyên nghiệp, cung cấp các dịch vụ chất lượng cao bao gồm: Kiểm toán, kế toán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư, tư vấn M&A, tư vấn thuế và đào tạo.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN được thành lập và điều hành bởi đội ngũ sáng lập viên và các chuyên gia tâm huyết, am tường về kiểm toán, kế toán, tài chính và quản trị, có nhiều năm nắm giữ vị trí quản lý trong các công ty hàng đầu trong và ngoài nước. Điều này giúp Đại Tín có được một đội ngũ nhân lực cao cấp và có thể cung cấp cho khách hàng các dịch vụ phù hợp với Việt Nam song đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

Liên hệ

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH, TƯ VẤN THUẾ, DỊCH VỤ CHUYỂN GIÁ

Văn Phòng : 622/3 Cộng Hòa, Phường Tân Bình, Tp.HCM

Trụ sở : 750/1/15 Nguyễn Kiệm, Phường Đức Nhuận, Tp.HCM

ĐT : 0283 500 4494 **Web:** www.kiemtoandaitin.com

Email : langtat@kiemtoandaitin.com; minhthu@kiemtoandaitin.com

Nếu Quý Công ty cần tư vấn chi tiết thì hãy liên hệ phòng tư vấn của Công ty Chúng tôi với số điện thoại dưới đây:

Mr. Lăng - Giám Đốc Kinh Doanh (tiếng Trung) – 0908 608 955

Ms. Thư - Chuyên viên Kinh Doanh (tiếng Trung) – 0343 801 369

Ms. Mỹ - Chuyên viên Kinh Doanh (tiếng Trung) – 0522 023 336

Ms. Trang - Chuyên viên Kinh Doanh (tiếng Trung) – 0326 742 070